

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2023/HSST**

Ngày: 12/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Văn Ba**
Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Bà **Bùi Thị Thúy Liên**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2023/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 28-01/2023/HSST-QĐ ngày 29/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Như D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 25/3/1993; tại tỉnh Thái Bình;

Nơi ĐKKTT: thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở: Số 32 đường Trần Văn D, P.M, Q.N, TP.Đà Nẵng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 12/12;

Tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 23/7/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “tổ chức đánh bạc” chấp hành xong bản án ngày 27/9/2014.

Họ và tên cha: Đào Như R (chết);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T (SN: 1964, còn sống);

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Họ và tên vợ: Vũ Thị L (SN: 1997; còn sống);

Có hai con (con lớn nhất 06 tuổi, con nhỏ nhất 03 tuổi);

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/12/2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng. Có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Văn T** – Sinh năm 1968. Trú tại: Số 82 Trần Hưng Đ, TX.Đ, T.Quảng Nam.
2. Ông **Đinh Hữu T** – Sinh năm 1991. Trú tại: Số 591 đường 29/3, TP. Đà Nẵng .
3. Bà **Trần Thị Tố V** – Sinh năm 1979. Trú tại: K94/15 đường Nguyễn Công T, TP. Đà Nẵng.
4. Bà **Bùi Thị Mỹ D** – Sinh năm 1993. Trú tại: Tổ 40, P.X, Q.T, TP.Đà Nẵng.
5. Ông **Trần H** – Sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 07 Thôn Đ, Xã. H, Huyện. H, TP.Đà Nẵng.
6. Ông **Nguyễn Hữu U** – Sinh năm 1974. Trú tại: Khu phố V, P. Đ, TX. Đ, T. Quảng Nam.
7. Bà **Nguyễn Thị Tố V** – Sinh năm 1981. Trú tại: 73 Trần Văn T, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng.
8. Ông **Đặng N** – Sinh năm 1982. Trú tại: Thôn T, Xã. H, Huyện. H, TP.Đà Nẵng.
9. Bà **Hoàng Nữ Khánh H** – Sinh năm 1985. Trú tại: Số 02 đường A 35, P. M, Q.N, TP.Đà Nẵng.
10. Bà **Nguyễn Thị Kim L** – Sinh năm 1983. Trú tại: Thôn N, Xã. B, Huyện. T, T.Quảng Nam.
11. Ông **Bùi Tuấn N** – Sinh năm 1989. Trú tại: Thôn L, Xã. H, Huyện. H, TP.Đà Nẵng.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/12/2022, tại nhà chị Nguyễn Thị P (SN: 1973; trú: tổ 29 Phường. H, Quận. N, TP.Đà Nẵng), Công an P.H, Q.N, TP.Đà Nẵng tiến hành làm việc với Đào Như D thì Duy tự khai nhận về việc có hoạt động cho vay thu tiền góp với lãi suất cao tại địa bàn quận N và các địa bàn khác thuộc TP.Đà Nẵng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an Q.N, TP.Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của Đào Như D, tại địa chỉ số 32 đường Trần Văn D, P.M, Q.N, TP.Đà Nẵng, thu giữ của Đào Như D gồm (BL: 70; 82-83):

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Ngọc T (SN: 1985) và Võ Thị P (SN: 1955; cùng trú: thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên Phan Ngọc T, Võ Thị P, Phan Thị H (SN: 1982; trú: thôn H, xã H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) và Nguyễn Thị Kim L (SN: 1983; trú: thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam);

- + 01 Căn cước công dân mang tên Trần Văn T;
- + 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu U;
- + 01 ĐTDĐ Nokia màu đen gắn sim số 0935012616;
- + 01 ĐTDĐ iPhone 11 promax, màu gold, gắn sim số 0981535889;

+ Số tiền 1.635.000 đồng;

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng MB bank mang tên Đào Như D;

Quá trình điều tra, Đào Như D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau (BL: 42-81; 85-125;357-359):

Từ khoảng tháng 01/2022, Đào Như D từ tỉnh Thái Bình đến thuê phòng trọ tại địa chỉ số 32 Trần Văn D, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng để ở và hoạt động cho vay thu tiền góp với lãi suất cao. Đào Như D in các tờ rơi quảng cáo với nội dung “Cho vay tiền trả góp, không cần thế chấp” cùng số điện thoại 0935012616 rồi dán lên các trụ điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam để quảng cáo tìm người vay tiền. Khi người vay có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc với Duy qua số điện thoại trên, hai bên thỏa thuận, thống nhất số tiền vay, lãi suất, ngày trả, số tiền trả từng ngày (thỏa thuận bằng miệng, không có viết giấy tờ). Tùy thuộc vào nhu cầu của từng người vay mà D cho người vay trả góp theo từng gói vay tương ứng. D cho vay với phương thức thu lãi suất trước là 30% trên số tiền vốn vay, thời hạn vay 25 ngày, hằng ngày người vay trả góp đối với số tiền gốc cho đến khi hết gói vay; hình thức trả góp mỗi ngày tương đương 4% của gói vay. Người vay có thể đáo hạn sau khi trả tiền góp được 15 ngày (số tiền chưa trả hết của gói vay trước sẽ được trừ vào gói vay sau và người vay tiếp tục trả góp tiền gốc theo thời hạn vay cho đến khi trả hết). Khi cho vay, D có giữ giấy tờ tùy thân của người vay để làm tin như: chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy đăng ký xe hoặc giấy tờ đất đai. D giao tiền cho người vay và nhận tiền trả góp hằng ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua ứng dụng internet banking trên ĐTDĐ iPhone 11 promax, màu gold, gắn sim số 0981535889; với số tài khoản 8686396789 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Đào Như D.

Với cách thức trên, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến ngày 13/12/2022, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc thành phố Đà Nẵng, Đào Như D đã cho rất nhiều người vay nhưng do thời gian đã lâu, người vay đã tắt toán xong nên D không nhớ được nhân thân, lai lịch của người và chỉ xác định được cho 11 người vay; tổng số tiền cho vay là **460.000.000 đồng** (số tiền cho vay 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng hoặc 50.000.000 đồng); mức lãi suất 30%/25 ngày (tức 438%/01 năm, cao gấp 21,9 lần mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự - 20%/01 năm); số tiền gốc đã thu lại là 407.800.000 đồng; số tiền gốc chưa thu lại 52.200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **138.698.725 đồng** (trong đó lãi >20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định là 131.698.725 đồng và 7.000.000 đồng tiền phạt chậm trả). Cụ thể, Đào Như D đã cho 11 người vay với tổng 27 lượt vay, cụ thể (BL: 249-344):

1. Trần Văn T (SN: 1968; trú: phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam): Vay 05 lượt với tổng số tiền 45.000.000 đồng (01 lượt vay 5.000.000 đồng và 04 lượt vay 10.000.000 đồng); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày là 200.000 đồng (lượt vay 5.000.000 đồng) và 400.000 đồng (lượt vay 10.000.000 đồng); tổng số tiền đã trả 49.300.000 đồng (lãi 13.500.000 đồng; gốc 35.800.000 đồng); số tiền gốc người vay chưa trả 9.200.000 đồng (23 ngày lượt vay cuối); lãi được phép thu 616.438 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 12.883.600 đồng. Anh T có giao cho D 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn T để thế chấp khoản vay.

2. Đinh Hữu T (SN: 1991; trú: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng): Vay 03 lượt với tổng số tiền 150.000.000 đồng (50.000.000 đồng/01 lượt vay); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày là 2.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả 195.000.000 đồng (lãi 45.000.000 đồng; gốc 150.000.000 đồng); lãi được phép thu 2.054.745 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 49.945.225 (trong đó có 7.000.000 đồng anh T bị phạt do chậm trả 10 ngày).

3. Trần Thị Tô V (SN:1979; trú: phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng): Vay 06 lượt với tổng số tiền 90.000.000 đồng (15.000.000 đồng/01 lượt vay); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 600.000 đồng; tổng số tiền đã trả 111.000.000 đồng (lãi 27.000.000 đồng; gốc 84.000.000 đồng); số tiền gốc người vay chưa trả 6.000.000 đồng (10 ngày lượt vay cuối); lãi được phép thu 1.232.877 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 25.767.150 đồng.

4. Bùi Thị Mỹ D (SN: 1993; trú: tổ 40 phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng): Vay 03 lượt với tổng số tiền 15.000.000 đồng (5.000.000 đồng/01 lượt vay); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 200.000 đồng; tổng số tiền đã trả 19.500.000 đồng (lãi 4.500.000 đồng; gốc 15.000.000 đồng); lãi được phép thu 205.479 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 4.294.500 đồng.

5. Trần Hiệp (SN: 1984; trú: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng): Vay 01 lượt với số tiền 10.000.000 đồng; lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 400.000 đồng; tổng số tiền đã trả 13.000.000 đồng (lãi 3.000.000 đồng; gốc 10.000.000 đồng); lãi được phép thu 136.986 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 2.863.025 đồng.

6. Nguyễn Hữu U (SN: 1974; trú: phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam): Vay 01 lượt với số tiền 5.000.000 đồng; lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 200.000 đồng; tổng số tiền đã trả 3.300.000 đồng (lãi 1.500.000 đồng; gốc 1.800.000 đồng); số tiền gốc chưa trả 3.200.000 đồng (16 ngày); lãi được phép thu 68.493 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 1.431.500 đồng. Anh U có giao cho D 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu U để thế chấp khoản vay.

7. Nguyễn Thị Tô V (SN: 1981; trú: khu phố 1, thị trấn H, tỉnh Quảng Nam): Vay 01 lượt với số tiền 5.000.000 đồng; lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 200.000 đồng; tổng số tiền đã trả 6.500.000 đồng (lãi 1.500.000 đồng; gốc 5.000.000 đồng); số tiền gốc chưa trả 1.800.000 đồng (09 ngày); lãi được phép thu 68.493 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 1.431.500 đồng. Quá trình vay chị V có nhờ Nguyễn Hữu S (không rõ nhân thân, lai lịch) chuyển khoản số tiền góp hàng ngày cho D. Sau khi đường dây cho vay lãi nặng của D bị Cơ quan CSĐT Công an Quận.N, TP. Đà Nẵng phát hiện thì trong 02 ngày 14/12/2022 và ngày 15/12/2022, chị V tiếp tục nhờ S chuyển khoản thanh toán hết số nợ trên.

8. Đặng N (SN:1982; trú: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng): Vay 02 lượt với số tiền 15.000.000 đồng (01 lượt vay 10.000.000 đồng và 01 lượt 5.000.000 đồng); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày là 200.000 đồng (lượt vay 5.000.000 đồng) và 400.000 đồng (lượt vay 10.000.000 đồng); tổng số tiền đã trả 19.300.000 đồng (lãi 4.500.000 đồng; gốc 14.800.000 đồng); số tiền gốc chưa trả 200.000 đồng (01 ngày lượt vay cuối); lãi được phép thu 205.479 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 4.294.525 đồng.

9. Hoàng Nữ Khánh H (SN: 1985; trú: số 02 đường A 35, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng): Vay 02 lượt với số tiền 20.000.000 đồng (10.000.000 đồng/01 lượt vay); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 400.000 đồng; tổng số tiền đã trả 18.400.00 đồng (lãi 6.000.000 đồng; gốc 12.400.000 đồng); số tiền gốc chưa trả 7.600.000 đồng (19 ngày lượt vay cuối); lãi được phép thu 273.973 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 5.726.050 đồng.

10. Nguyễn Thị Kim L (SN: 1983; trú: thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam): Vay 02 lượt với số tiền 100.000.000 đồng (50.000.000 đồng/01 lượt vay); lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 2.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả 104.000.000 đồng (lãi 30.000.000 đồng; gốc 74.000.000 đồng); số tiền gốc chưa trả 26.000.000 đồng (13 ngày lượt vay cuối); lãi được phép thu 1.369.863 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 28.630.150 đồng. Khi vay, chị L có giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Ngọc T (SN: 1985) và Võ Thị P (SN: 1955; cùng trú: thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên Phan Ngọc T, Võ Thị P, Phan Thị H (SN: 1982; trú: thôn H, xã H, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) và Nguyễn Thị Kim L (SN: 1983; trú: thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam) là giấy tờ cá nhân của chị L để thế chấp khoản vay.

11. Bùi Tuấn N (SN: 1989; trú: thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng): Vay 01 lượt với số tiền 5.000.000 đồng; lãi suất 30%/25 ngày; số tiền gốc phải trả/01 ngày 200.000 đồng; tổng số tiền đã trả 6.500.000 đồng (lãi 1.500.000 đồng; gốc 5.000.000 đồng); lãi được phép thu 68.493 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 1.431.500 đồng.

Xác minh số tài khoản 8686396789 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Đào Như D có số dư cuối đến ngày 22/12/2022 còn số tiền 14.329.558.000 đồng (BL: 157).

Quá trình điều tra, chị Vũ Thị L (SN: 1997; trú: thôn K, xã T, huyện T, tỉnh T; là vợ của Đào Như D) nộp số tiền 70.000.000 đồng do D tác động gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả (BL: 26).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 30/CT-VKS- NHS ngày 19/5/2023 của Viện kiểm sát nhân quận Ngũ Hành Sơn và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố **Đào Như D** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” đồng thời đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Như Duy từ **09 tháng** đến **12 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/12/2022.

*** Về phần xử vật chứng và tài sản tạm giữ:**

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước của Đào Như D: 01 ĐTDĐ Nokia màu đen và 01 ĐTDĐ iPhone 11 promax màu gold.
- Đề nghị tịch thu tiêu hủy của Đào Như Duy:
 - + 02 sim điện thoại số: 0935012616 và 0981535889;
 - + 01 thẻ AMT Ngân hàng MB bank mang tên Đào Như D;
- Đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo quy trữ thi hành án:
 - + Số tiền 1.635.000 đồng thu giữ của Đào Như D;

+ Số tiền 70.000.000 đồng do chị Vũ Thị L (vợ của Đào Như D) nộp khắc phục hậu quả.

- Đối với số tiền 14.329.558.000 đồng trong tài khoản ngân hàng số 8686396789 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Đào Như D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án (BL: 126; 157).

- Cơ quan CSĐT Công an quận N, TP.Đà Nẵng đã trả lại cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ gồm:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Kim L;

+ 01 Căn cước công dân mang tên Trần Văn T cho anh T;

+ 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu U cho anh U.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đối với số tiền gốc Đào Như D đã thu được của 11 người vay: 407.800.000 đồng, đề nghị tịch thu của Đào Như D sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi được phép thu (= 20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định) Đào Như D đã thu được: 6.301.370 đồng, đề nghị tịch thu của Đào Như D sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho Đào Như D tổng cộng là 52.200.000 đồng, đề nghị tịch thu của 06 người vay để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Trần Văn T: 9.200.000 đồng;

+ Trần Thị Tố V: 6.000.000 đồng;

+ Nguyễn Hữu U: 3.200.000 đồng;

+ Đặng N: 200.000 đồng;

+ Hoàng Nữ Khánh H: 7.600.000 đồng;

+ Nguyễn Thị Kim L: 26.000.000 đồng;

- Đối với số tiền Đào Như D thu lợi bất chính 138.698.725 đồng (số tiền lãi >20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định là 131.698.725 đồng và 7.000.000 đồng tiền phạt chậm trả), đề nghị Đào Như D trả lại cho 11 người vay, cụ thể:

+ Trần Văn T: 12.883.600 đồng;

+ Đinh Hữu T: 49.945.225;

+ Trần Thị Tố V: 25.767.150 đồng;

+ Bùi Thị Mỹ D: 4.294.500 đồng;

+ Trần H: 2.863.025 đồng;

+ Nguyễn Hữu U: 1.431.500 đồng;

+ Nguyễn Thị Tố V: 1.431.500 đồng;

+ Đặng N: 4.294.525 đồng;

+ Hoàng Nữ Khánh H: 5.726.050 đồng.

+ Nguyễn Thị Kim L: 28.630.150 đồng;

+ Bùi Tuấn N: 1.431.500 đồng.

*** Dân sự:** Những người vay không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự đối với các giấy tờ tùy thân, cá nhân của những người vay thế chấp cho Đào Như D để đảm bảo khoản vay và D đã làm mất, thất lạc.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đào Như D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022, Đào Như D đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc thành phố Đà Nẵng. Tổng số tiền Đào Như D cho 11 người vay với 27 lượt vay là 460.000.000 đồng, với lãi suất 30%/25 ngày (tức 438%/01 năm, cao gấp 21,9 lần mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự - 20%/01 năm). Tổng số tiền Đào Như D thu lợi bất chính **138.698.725 đồng**.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Tuy vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng, nhưng hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người vay, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi mà không phải thông qua lao động chân chính, lợi dụng việc người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp, để cho người vay tiền phải chịu mức lãi suất quá cao so với quy định của Nhà nước.

Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, hành vi nêu trên của Đào Như D đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 30/CT-VKS- NHS ngày 19/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 23/7/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “tổ chức đánh bạc”. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình nộp lại tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả; bản thân bị cáo đã tự nguyện khai ra toàn bộ hành vi phạm tội khi làm việc với Cơ quan Công an do vậy cần áp dụng điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần quyết định hình phạt tù giam bằng với thời hạn tạm giam mà bị cáo đã chấp hành cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài ra, nhằm để răn đe bị cáo khác và có tác dụng giáo dục trong việc loại bỏ tình trạng tín dụng đen đang phát triển trong xã hội. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng theo Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Đào Như D số tiền 40.000.000đ.

[7] Đối với một số vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với 09 trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có danh tính, số điện thoại và số tiền cho vay theo lời khai nhận của Đào Như D, qua điều tra, xác được được có: 05 trường hợp không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ, 04 trường hợp xác nhận không quen biết, không vay tiền của D và các trường hợp cho vay khác D khai nhận không nhớ nhân thân lai lịch cụ thể, số tiền vay, số tiền thu lợi bất chính, Cơ quan CSĐT Công an Q. N, TP. Đà Nẵng không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

[8] **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ điều 47 BLHS, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với số tiền gốc Đào Như D đã thu được của 11 người vay: **407.800.000 đồng**, cần truy thu của Đào Như D sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi được phép thu (= 20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định) Đào Như D đã thu được: **6.301.370 đồng**, cần truy thu của Đào Như D sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho Đào Như D tổng cộng là **52.200.000 đồng**, cần truy thu của 06 người vay để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

- + Trần Văn T: 9.200.000 đồng;
- + Trần Thị Tô V: 6.000.000 đồng;
- + Nguyễn Hữu U: 3.200.000 đồng;
- + Đặng N: 200.000 đồng;
- + Hoàng Nữ Khánh H: 7.600.000 đồng;

+ Nguyễn Thị Kim L: 26.000.000 đồng;
 - Đối với số tiền Đào Như D Thu lợi bất chính **138.698.725 đồng** (số tiền lãi >20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định là 131.698.725 đồng và 7.000.000 đồng tiền phạt chậm trả), cần buộc bị cáo Đào Như D trả lại cho 11 người vay, cụ thể:

- + Trần Văn T: 12.883.600 đồng;
- + Đinh Hữu T: 49.945.225;
- + Trần Thị Tố V: 25.767.150 đồng;
- + Bùi Thị Mỹ D: 4.294.500 đồng;
- + Trần H: 2.863.025 đồng;
- + Nguyễn Hữu U: 1.431.500 đồng;
- + Nguyễn Thị Tố V: 1.431.500 đồng;
- + Đặng N: 4.294.525 đồng;
- + Hoàng Nữ Khánh H: 5.726.050 đồng.
- + Nguyễn Thị Kim L: 28.630.150 đồng;
- + Bùi Tuấn N: 1.431.500 đồng.

[9] Về phần xử vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước của Đào Như D: 01 ĐTDĐ Nokia màu đen và 01 ĐTDĐ iPhone 11 promax màu gold.

- Tịch thu tiêu hủy của Đào Như D:

- + 02 sim điện thoại số: 0935012616 và 0981535889;
- + 01 thẻ AMT Ngân hàng MB bank mang tên Đào Như D;

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Số tiền 1.635.000 đồng thu giữ của Đào Như D.

+ Số tiền 70.000.000 đồng do chị Vũ Thị L (vợ của Đào Như D) nộp khắc phục hậu quả.

(Tổng cộng là 71.635.000.000 đồng, hiện số tiền này đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn theo Ủy nhiệm chi ngày 12/7/2023 của Công an quận Ngũ Hành Sơn)

- Đối với số tiền 14.329.558.000 đồng trong tài khoản ngân hàng số 8686396789 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Đào Như D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

- Cơ quan CSĐT Công an quận N đã trả lại cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ gồm:

- + 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Kim L;
- + 01 Căn cước công dân mang tên Trần Văn T cho anh T;
- + 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu U cho anh U.

[10] Về dân sự: Những người vay không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự đối với các giấy tờ tùy thân, cá nhân của những người vay thế chấp cho Đào Như D để đảm bảo khoản vay và D đã làm mất, thất lạc.

[11] Xét các nội dung đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, về điều khoản luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp các nhận định của Hội đồng xét xử.

[12] **Về án phí HSST:** Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Như D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Như D 06 (Sáu) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2022. Bị cáo đã chấp hành xong.

Tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung số tiền: **40.000.000đ.**

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của Đào Như D số tiền gốc mà D đã thu được của 11 người vay: **407.800.000 đồng.**

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của Đào Như D số tiền lãi được phép thu (= 20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định) mà D đã thu được: **6.301.370 đồng,**

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho Đào Như D tổng cộng là **52.200.000 đồng,** cụ thể:

+ Truy thu của Trần Văn T: 9.200.000 đồng;

+ Truy thu của Trần Thị Tố V: 6.000.000 đồng;

+ Truy thu của Nguyễn Hữu U: 3.200.000 đồng;

+ Truy thu của Đặng N: 200.000 đồng;

+ Truy thu của Hoàng Nữ Khánh H: 7.600.000 đồng;

+ Truy thu của Nguyễn Thị Kim L: 26.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo Đào Như D trả lại cho 11 người vay số tiền lợi bất chính **138.698.725 đồng** (số tiền lãi >20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định là 131.698.725 đồng và 7.000.000 đồng tiền phạt chậm trả) cụ thể:

+ Trả cho Trần Văn T: 12.883.600 đồng;

+ Trả cho Đinh Hữu T: 49.945.225;

+ Trả cho Trần Thị Tố V: 25.767.150 đồng;

+ Trả cho Bùi Thị Mỹ D: 4.294.500 đồng;

+ Trả cho Trần H: 2.863.025 đồng;

+ Trả cho Nguyễn Hữu U: 1.431.500 đồng;

+ Trả cho Nguyễn Thị Tố V: 1.431.500 đồng;

+ Trả cho Đặng N: 4.294.525 đồng;

+ Trả cho Hoàng Nữ Khánh H: 5.726.050 đồng.

- + Trả cho Nguyễn Thị Kim L: 28.630.150 đồng;
- + Trả cho Bùi Tuấn N: 1.431.500 đồng.

3. Về phần xử vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước của Đào Như D: 01 ĐTDĐ Nokia màu đen và 01 ĐTDĐ iPhone 11 promax màu gold.

- Tịch thu tiêu hủy của Đào Như D:

+ 02 sim điện thoại số: 0935012616 và 0981535889;

+ 01 thẻ AMT Ngân hàng MB bank mang tên Đào Như D;

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2023).

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Đào Như D số tiền: 71.635.000.000 đồng, hiện số tiền này đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn theo Ủy nhiệm chi ngày 12/7/2023 của Công an quận Ngũ Hành Sơn.

- Đối với số tiền 14.329.558.000 đồng trong tài khoản ngân hàng số 8686396789 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Đào Như D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận NHS;
- Công an quận NHS;
- Cơ quan THA Hình sự quận NHS;
- Chi Cục THADS quận NHS;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

